

Market Today: Cơ cấu lại danh mục và nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao

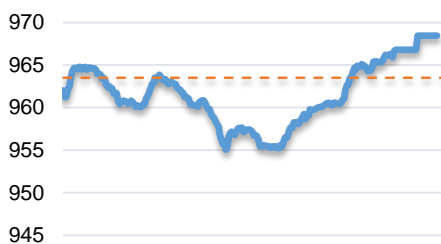
10/08/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

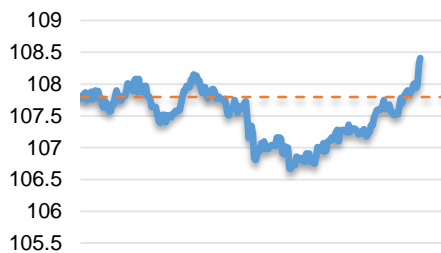
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	968.5	108.4	51.4
% ngày	0.52	0.57	-0.20
% tuần	0.92	2.04	1.45
% tháng	6.29	6.68	3.66
% năm	25.22	7.37	-6.12
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,799.67	629.33	348.22
Hôm qua	3,088.68	646.57	281.46
TB 1 tháng	3,394.12	523.25	200.97
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	542.77	17.38	28.50
Bán	598.81	13.36	13.79
Giá trị ròng	(56.04)	4.02	14.71
Độ rộng TT			
Mã Tăng	135	60	87
Mã Giảm	139	85	83
Không Đổi	79	239	564
Chỉ số chính			
P/E	17.4x	11x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,075	201	860
LS Cổ tức	1.95	2.55	4.04

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



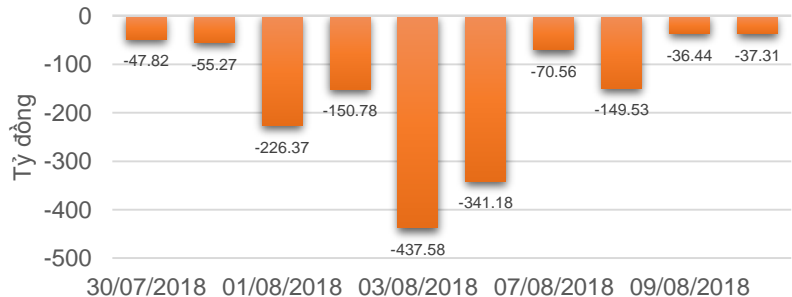
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Càng về cuối phiên, diễn biến thị trường càng trở nên tích cực hơn với dòng tiền đổ mạnh vào nhiều nhóm ngành ngân hàng và dầu khí giúp các chỉ số bứt phá mạnh mẽ. Theo đó, VN-Index đóng cửa tăng 0.52% lên 968.47 điểm; HNX-Index tăng 0.57% lên 108.41 điểm và chỉ có Upcom-Index giảm nhẹ 0.2%.

Những nhóm ngành hỗ trợ tốt cho việc tăng điểm ngoạn mục trong phiên cuối tuần là đến từ nhóm ngành tài chính và nhóm ngành dầu khí. Dòng tiền tập trung khá mạnh vào các mã như BVH, ACB, BID, CTG, MBB, GAS, PVS, HCM, SSI,... Bên cạnh đó, sắc xanh của các Bluechips như VJC, PLX, BVH, FPT, HPG... giúp sắc xanh thị trường được củng cố vững chắc.

Trong suốt 2 tuần vừa qua, khối ngoại liên tục có động thái rút vốn ra khỏi thị trường với tổng giá trị lên đến hơn 1,500 tỷ đồng. Tuy nhiên, hiện đang ở xu hướng giảm dần lượng tiền đầu tư rút ra khỏi thị trường khi các diễn biến ở Việt Nam dần tích cực hơn và lượng bán ròng này tập trung chủ yếu vẫn ở cổ phiếu nhà VINGROUP và VNM.

Diễn biến mua/bán của khối ngoại (-1,553 tỷ)



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục xuất hiện các nhịp rung lắc và trạng thái tích lũy sẽ còn tiếp diễn ở 1 – 2 phiên giao dịch đầu tuần. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và giai đoạn tích lũy có thể sẽ sớm kết thúc trong tuần giao dịch tới, đặc biệt thị trường có thể sẽ còn đối mặt với áp lực chốt lời ngắn hạn khi nhiều cổ phiếu đang rơi vào trạng thái quá mua ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ và vẫn duy trì ở mức cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức chốt lỗ của hệ thống lên mức 942.45 điểm của chỉ số VN-Index và 103.66 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.

Theo đồ thị tuần, xu hướng trung hạn của các chỉ số chính vẫn duy trì ở mức GIẢM, nhưng xu hướng ngắn hạn của chỉ số VNMidcaps vẫn duy trì mức TĂNG cho thấy dòng tiền trung hạn vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Midcaps. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ cho thấy thị trường đang có sự phân hóa và dần tích cực. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể tăng dần tỷ trọng theo mức khuyến nghị tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 57% cổ phiếu/43% tiền mặt.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 31% cổ phiếu/69% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.40	GIẢM	GIẢM		17.61				20.50		
ACB	37.30	TĂNG	GIẢM	35.60	34.08	4.78%			41.80		
ACV	88.30	TĂNG	GIẢM	84.50	83.30	4.50%			95.72		
BFC	25.90	TĂNG	GIẢM	27.00	24.73	-4.07%			28.97		
BHN	83.20	GIẢM	GIẢM		91.26				111.18		
BID	29.90	TĂNG	GIẢM	25.80	26.83	15.89%			31.14		
BMP	53.50	GIẢM	GIẢM	57.60	54.27	-5.78%	BÁN		63.44		
BSR	18.20	TĂNG	GIẢM	15.80	16.68	15.19%			19.99		
BVH	84.50	TĂNG	GIẢM	78.00	75.38	8.33%			91.06		
BWE	17.30	TĂNG	GIẢM	17.70	16.69	-2.26%			19.20		
CEO	12.50	TĂNG	GIẢM	13.40	11.84	-6.72%			15.97		
CHP	23.75	TĂNG	TĂNG	23.50	23.07	1.06%		23.50	21.68	1.06%	
CSM	13.80	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-4.10%	
CTD	157.00	TĂNG	TĂNG	149.50	152.64	5.02%		161.20	128.22	-2.61%	
CTG	24.25	TĂNG	GIẢM	24.00	22.57	1.04%			28.07		
CTI	28.50	GIẢM	GIẢM		30.66				33.12		
CVT	25.20	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-2.51%			29.58		
DCM	11.00	TĂNG	GIẢM	11.05	10.68	-0.45%			11.62		
DGW	24.70	TĂNG	GIẢM	23.90	22.65	3.35%			26.51		
DHA	27.90	TĂNG	GIẢM	28.00	26.60	-0.36%			28.49		
DHC	39.00	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	102.50	GIẢM	TĂNG		103.16			114.49	95.93	-10.47%	
DPG	40.50	TĂNG	GIẢM	40.90	39.06	-0.98%			50.13		
DPM	17.80	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	0.56%			18.72		
DPR	36.60	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-2.40%			39.13		
DQC	28.75	GIẢM	GIẢM		31.04				34.44		
DRC	23.00	GIẢM	TĂNG		24.64			24.30	19.87	-5.35%	
DXG	27.30	TĂNG	GIẢM	23.75	24.77	14.95%			29.38		
ELC	9.18	GIẢM	GIẢM		9.43				10.93		
FCN	15.35	GIẢM	TĂNG		16.25			17.70	13.88	-13.28%	
FIT	4.10	GIẢM	GIẢM		4.57				5.21		
FMC	21.70	TĂNG	GIẢM	21.20	20.90	2.36%			23.95		
FPT	43.10	TĂNG	GIẢM	42.90	40.94	0.47%			46.52		
GAS	98.70	TĂNG	GIẢM	86.90	90.44	13.58%			103.15		
GIL	47.20	TĂNG	TĂNG	41.65	44.07	13.33%		34.90	40.00	35.24%	
GMD	26.10	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	2.76%			28.65		
GTN	11.90	GIẢM	TĂNG		12.86		BÁN	11.20	9.06	6.25%	
HAG	7.53	TĂNG	TĂNG	5.01	6.75	50.30%		6.19	5.86	21.65%	



We Create Fortune

HAX	15.20	GIẢM	GIẢM		16.59				18.67		
HBC	22.55	GIẢM	GIẢM		22.61				27.24		
HDB	37.10	TĂNG	GIẢM	35.75	34.61	3.78%			42.35		
HNG	15.20	GIẢM	TĂNG	8.36	15.34	83.46%	BÁN	8.20	14.10	85.37%	
HPG	37.00	TĂNG	GIẢM	37.20	35.35	-0.54%			42.50		
HSG	10.35	GIẢM	GIẢM		11.35				13.38		
HT1	11.80	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	0.43%			12.91		
HUT	5.00	GIẢM	GIẢM		5.71				6.72		
HVN	37.20	TĂNG	GIẢM	33.00	35.41	12.73%			39.08		
ITD	11.85	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-4.44%	
KBC	12.00	TĂNG	GIẢM	12.10	11.43	-0.83%			13.24		
KDH	29.70	GIẢM	GIẢM		30.70				33.78		
KSB	30.35	TĂNG	GIẢM	29.79	29.05	1.89%			33.01		
LCG	9.60	TĂNG	GIẢM	9.46	9.30	1.48%			10.06		
LDG	14.00	TĂNG	GIẢM	12.05	13.31	16.18%			15.06		
LIX	40.30	GIẢM	GIẢM		41.66				44.73		
LPB	9.60	GIẢM	GIẢM		10.22				12.45		
LSS	6.69	GIẢM	GIẢM		6.96				7.94		
MSN	89.00	TĂNG	GIẢM	79.10	85.06	12.52%			90.22		
MWG	115.40	TĂNG	TĂNG	112.00	108.83	3.04%		121.00	104.78	-4.63%	
NKG	13.50	GIẢM	GIẢM		14.20				17.58		
NLG	29.15	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	-2.18%			31.83		
NT2	27.00	GIẢM	GIẢM		27.47				28.69		
NTL	9.80	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.31%		10.45	8.94	-6.22%	
NTP	44.50	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	38.90	GIẢM	GIẢM		40.42				42.18		
PC1	26.50	GIẢM	GIẢM		28.27				30.03		
PDR	25.00	GIẢM	GIẢM		26.32				29.57		
PGC	14.40	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	0.35%			15.68		
PHR	24.00	TĂNG	TĂNG	21.90	22.56	9.59%		24.00	23.77	0.00%	MUA
PLX	63.90	TĂNG	GIẢM	60.50	59.30	5.62%			67.88		
PNJ	96.00	TĂNG	GIẢM	90.30	88.23	6.31%			102.31		
POW	13.90	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	6.92%			13.91		
PPC	18.10	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-2.16%			19.21		
PTB	57.50	GIẢM	TĂNG		59.72			64.00	53.16	-10.16%	
PVD	16.35	TĂNG	TĂNG	13.00	14.47	25.77%		16.35	16.34	0.00%	MUA
PVI	29.20	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-2.34%			33.76		
PVS	20.90	TĂNG	TĂNG	17.00	18.15	22.94%		20.90	20.82	0.00%	MUA
PXS	6.19	TĂNG	TĂNG	5.00	5.45	23.80%		6.19	5.90	0.00%	MUA
RAL	91.00	TĂNG	GIẢM	91.00	85.42	0.00%			102.96		
REE	34.05	GIẢM	GIẢM		35.51				34.97		
SAB	209.00	TĂNG	GIẢM	208.00	193.17	0.48%			234.61		
SAM	6.90	GIẢM	GIẢM		7.44				7.59		

We Create Fortune

SBV	27.60	TĂNG	GIẢM	27.00	27.05	2.22%		29.26	
SCR	9.02	GIẢM	GIẢM		9.41			10.30	
SHI	6.00	GIẢM	TĂNG		6.40		6.99	5.88	-14.16%
SJS	20.30	TĂNG	GIẢM	19.70	18.82	3.05%		21.87	
SKG	20.90	TĂNG	GIẢM	20.05	20.18	4.24%		21.27	
SSI	30.30	TĂNG	GIẢM	29.55	27.97	2.54%		34.19	
STB	11.25	TĂNG	GIẢM	11.20	10.75	0.45%		12.71	
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74	
TCM	20.15	TĂNG	GIẢM	17.80	19.06	13.20%		20.79	
TDH	11.45	GIẢM	GIẢM		12.18			13.89	
TLH	7.22	GIẢM	GIẢM		7.61			8.68	
TMT	5.77	TĂNG	GIẢM	5.61	5.26	2.85%		7.28	
TNG	11.30	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	4.63%		11.90	
TYA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.15			12.27	
VCB	63.50	TĂNG	GIẢM	57.50	58.37	10.43%		64.41	
VFG	37.00	GIẢM	TĂNG		38.94		34.39	33.47	7.58%
VGC	16.70	GIẢM	GIẢM		18.28			21.50	
VHM	106.90	GIẢM	TĂNG		112.34				
VIB	27.50	TĂNG	GIẢM	27.60	25.89	-0.36%		30.67	
VIC	104.20	GIẢM	TĂNG		112.00		111.50	92.44	-6.55%
VIP	7.20	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	3.60%		7.29	
VJC	152.40	TĂNG	GIẢM	144.50	140.91	5.47%		154.12	
VNM	157.20	GIẢM	GIẢM		160.88			183.51	
VPB	26.80	GIẢM	GIẢM		28.53			33.19	
VRC	21.10	TĂNG	TĂNG	17.75	19.45	18.87%	19.35	16.29	9.04%
VRE	40.20	TĂNG	GIẢM	40.40	39.51	-0.50%		44.98	
VSC	40.00	TĂNG	TĂNG	35.50	38.55	12.68%	35.30	31.95	13.31%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	968.47	0.52
VN30	948.32	0.47
VN Mid	998.28	0.32
VN Small	802.16	0.06

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	542.77	
Bán	598.81	
GT rỗng	(56.04)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TGG	1,500	6.8%
PVD	850	5.5%
ANV	800	5.2%
VND	900	4.6%
SJF	1,100	4.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	(180)	-6.7%
QCG	(390)	-4.4%
LDG	(500)	-3.4%
HAH	(350)	-2.7%
PTB	(1,500)	-2.5%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	332,567	
VHM	286,450	
VCB	228,458	
VNM	228,136	
GAS	188,907	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HAG	37.97	11.44
FLC	9.70	13.74
HNG	7.95	3.91
CTG	4.51	5.35
BID	4.42	3.62

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	108.41	0.57
HN30	193.22	0.60
VNX AllSh	1,357.94	0.54

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	17.38	
Bán	13.36	
GT rỗng	4.02	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVS	1,100	5.6%
SHS	300	2.1%
NVB	100	1.4%
ACB	500	1.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DP3	(4,500)	-5.5%
DGC	(1,500)	-3.8%
DGL	(1,200)	-3.1%
HUT	(100)	-2.0%
VCS	(500)	-0.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,452	
VCS	13,360	
SHB	9,745	
PVS	9,336	
VCG	7,642	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	6.81	5.14
ACB	4.94	5.09
SHB	4.50	5.91
MST	1.46	1.05
SHS	1.43	1.24

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.36	(0.20)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	28.50	
Bán	13.79	
GT rỗng	14.71	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LTG	1,400	3.6%
QNS	500	1.2%
LPB	100	1.1%
ACV	300	0.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SSN	(800)	-5.0%
HVN	(400)	-1.1%
VGT	(100)	-1.0%
SDI	(500)	-0.8%
OIL	(100)	-0.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	192,241	
BSR	56,429	
MCH	51,977	
HVN	46,474	
POW	32,552	

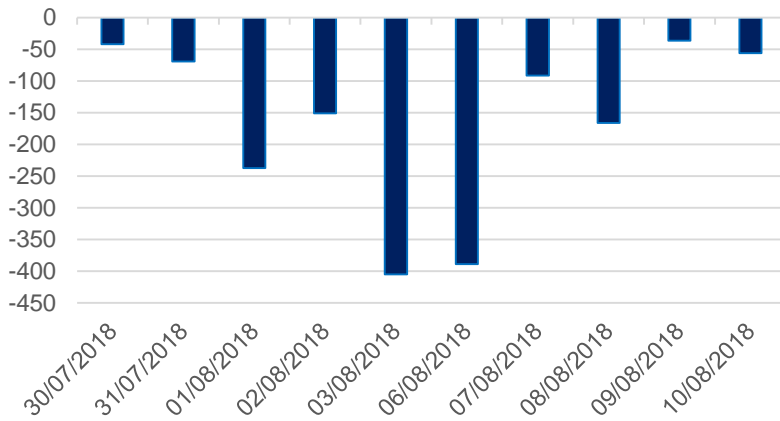
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
LPB	2.05	2.13
BSR	1.75	1.67
POW	1.15	1.30
ART	0.86	2.11

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

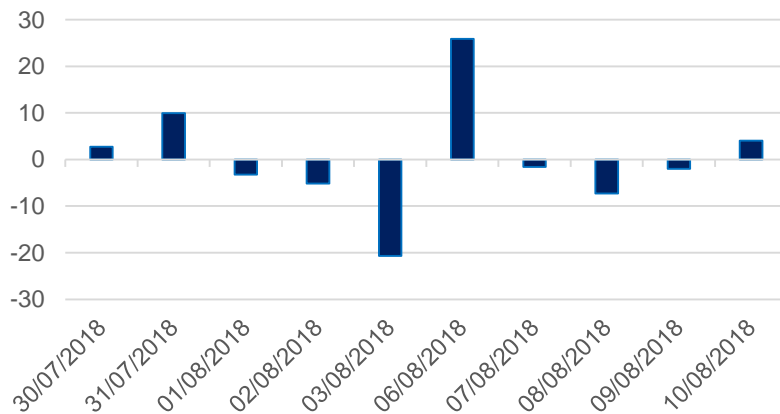
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VCB	36,286	VNM	(85,782)
HPG	21,237	VIC	(65,513)
HDB	16,866	HAG	(20,891)
SSI	13,111	VRE	(19,992)
GAS	12,893	VHM	(10,670)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

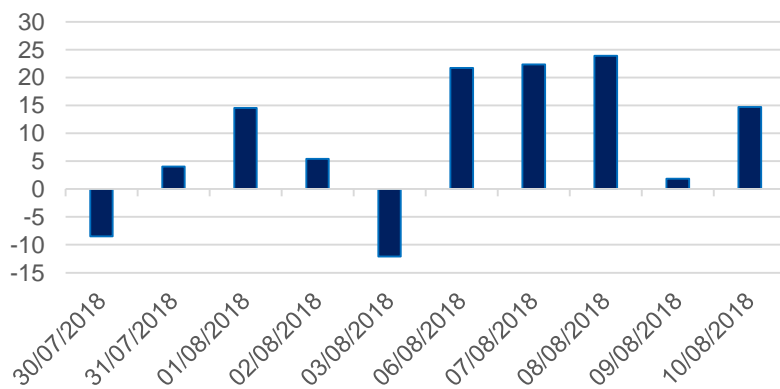
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
PVS	10,574	MAS	(8,231)
SHB	2,323	VGC	(2,025)
NRC	2,053	HUT	(748)
PSD	210	SHS	(323)
WCS	202	DGL	(314)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
QNS	9,997	HVN	(3,742)
POW	4,560	BSR	(3,194)
ACV	2,422	VGT	(194)
LTG	2,064	FOX	(166)
VEA	1,899	NCS	(40)

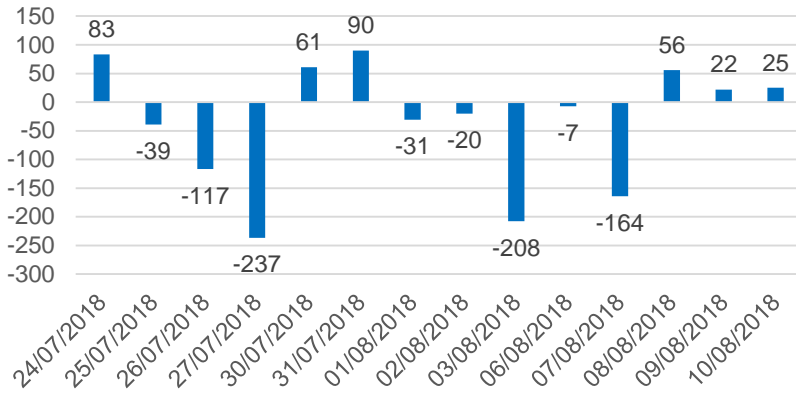
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

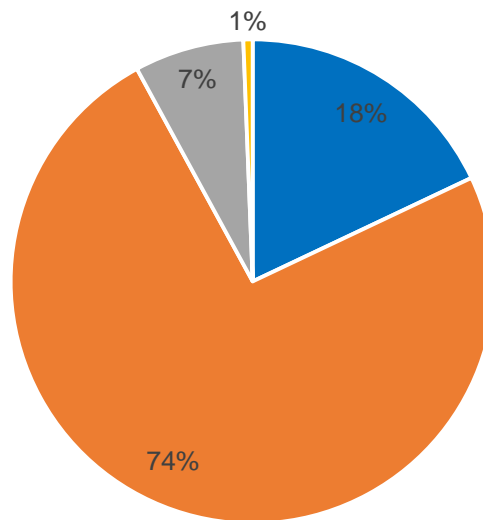


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
VIC	44,344	VIC	42,601
MWG	8,954	HNG	6,395
CNG	8,910	MWG	5,477
VPI	8,380	CII	4,935
HPG	6,860	MBB	4,192

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



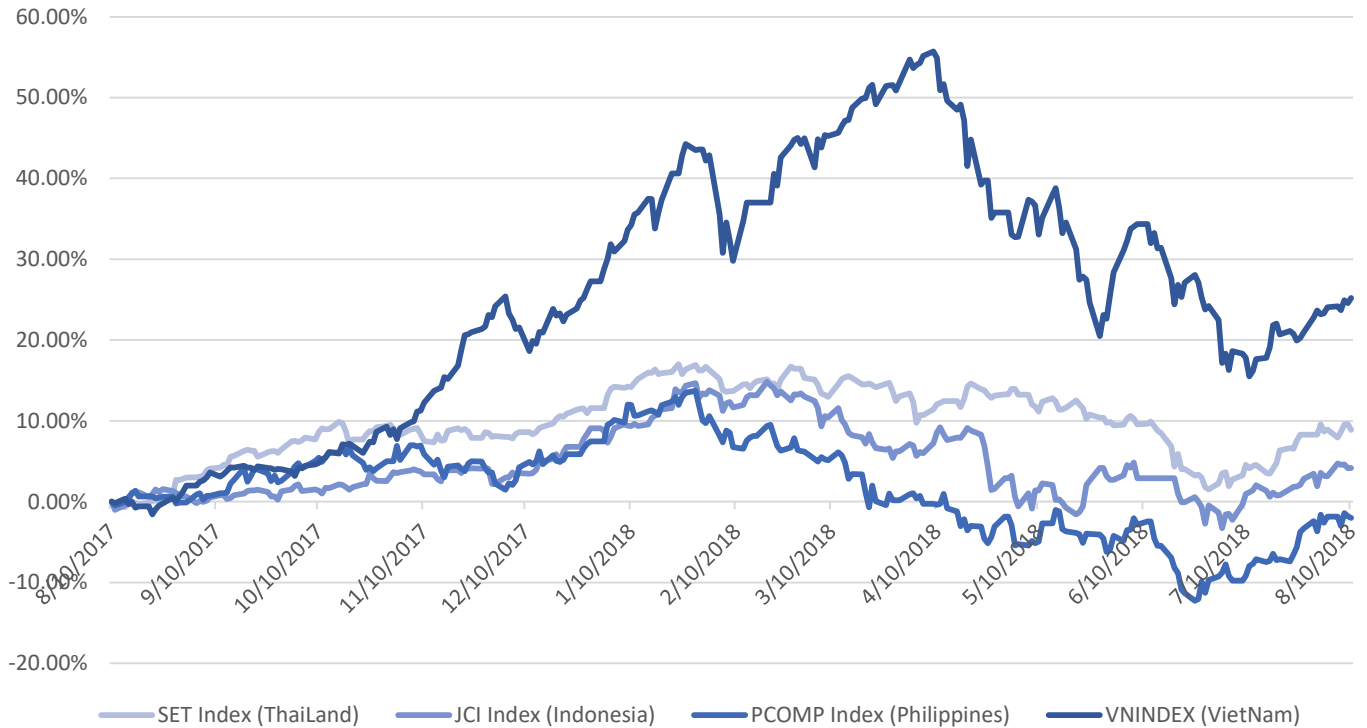
■ Tổ chức nước ngoài
 ■ Cá nhân trong nước
 ■ Tổ chức trong nước
 ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

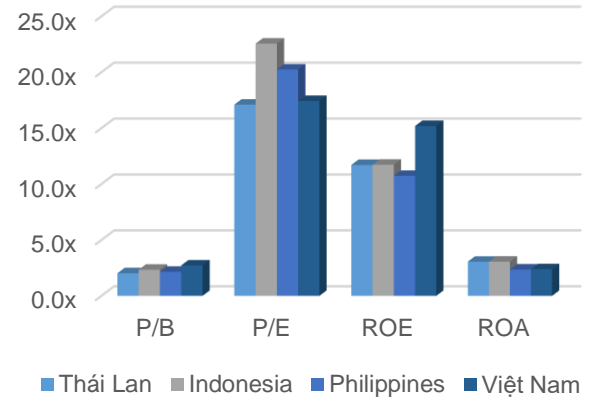
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.7x
P/E		17.1x	22.6x	20.2x	17.4x
ROE	%	11.70	11.73	10.73	15.19
ROA	%	3.06	3.06	2.36	2.39
Vốn hóa	Tỷ USD	521.61	474.15	183.19	132.13
GTGD	Triệu USD	1.26	0.41	0.06	0.16
LS cổ tức	%	3.03	2.24	1.60	1.95

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written